

Số: /ĐA-VTVL

An Minh, ngày tháng 6 năm 2026

ĐỀ ÁN

**Vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp
của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã An Minh**

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Các đơn vị trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, hoạt động theo quy định của pháp luật. Có cơ cấu tổ chức bộ máy biên chế hoạt động thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo theo Luật giáo dục và Điều lệ trường theo cấp học. Do đó, sự cần thiết xây dựng đề án là để xác định vị trí việc làm và cơ cấu tổ chức bộ máy của đơn vị, xác định ngạch hạng viên chức là nhằm xác định số lượng biên chế gắn với từng vị trí việc làm, cơ cấu số lượng viên chức tại đơn vị, làm cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét phân bổ nguồn nhân lực, bố trí biên chế cần thiết, phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy của đơn vị, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Là căn cứ để thực hiện công tác đề nghị tuyển dụng, đề nghị bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng viên chức có đủ tiêu chuẩn đảm đương công việc phù hợp với vị trí việc làm đáp ứng nhiệm vụ giáo dục của địa phương. Trên cơ sở đó thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng viên chức có đủ tiêu chuẩn đảm đương công việc phù hợp với vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
- Luật Giáo dục 2019 ngày 14/6/2019
- Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

7. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

8. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

9. Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

10. Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Mầm non; Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

11. Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục tiểu học công lập; Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023, Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

12. Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

13. Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;

14. Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

15. Thông tư số 06/2024/TT-BNV ngày 28/6/2024 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

16. Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

17. Căn cứ Thông tư số 31/2026/TT-BGDĐT ngày 14/4/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập;

18. Công văn số 7415/BNV-CCVC ngày 31/8/2025 của Bộ Nội vụ về việc phương án bảo đảm nhân sự tại cấp xã;

19. Công văn số 9395/BNV-CCVC ngày 15/10/2025 của Bộ Nội vụ về việc định hướng bổ sung vị trí việc làm ở cấp xã;

20. Công văn số 9478/BNV-CCVC ngày 17/10/2025 của Bộ Nội vụ về việc rà soát, hoàn thiện VTVL công chức, viên chức;

21. Hướng dẫn số 1196/HD-UBND ngày 08/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp;

22. Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương tỉnh, biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh An Giang năm 2026;

23. Theo Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của UBND xã An Minh về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương xã, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của xã An Minh năm 2026.

Phần II

MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

Sau khi Đề án vị trí việc làm của các trường trực thuộc Ủy ban nhân dân xã An Minh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sẽ là cơ sở và tiền đề cho các hoạt động của các trường gồm: thực hiện việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào

tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đánh giá, nâng ngạch, bổ nhiệm đối với viên chức theo đúng vị trí việc làm trên nguyên tắc gắn tinh giản biên chế với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức trong các đơn vị; một vị trí việc làm sẽ do một hoặc một nhóm người đảm nhiệm và một người sẽ đảm nhiệm một hoặc nhiều hơn một vị trí việc làm trên cơ sở vị trí việc làm chính và vị trí việc làm kiêm nhiệm, đồng thời sẽ hưởng tới trả lương theo vị trí việc làm khi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về nội dung này được cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện.

II. PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

Đề án sẽ thực hiện trong phạm vi 12 đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập (3 trường Mầm non; 6 trường Tiểu học; 3 trường Trung học cơ sở) trực thuộc Ủy ban nhân dân xã An Minh.

III. ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

Đối tượng của Đề án gồm: Viên chức, người lao động trong các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trực thuộc xã An Minh.

IV. YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN

1. Bám sát các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, trên cơ sở các quy định hiện hành và mục tiêu cần đạt được trong từng giai đoạn để đề xuất giải pháp cụ thể đảm bảo tính khả thi của Đề án.

2. Đánh giá đúng thực trạng việc sử dụng biên chế, quản lý viên chức và người lao động trong đơn vị trong thời gian qua, những kết quả đã đạt được, những mặt còn hạn chế và chỉ ra được nguyên nhân của những hạn chế này.

3. Xác định đúng, đủ, chính xác danh mục vị trí việc làm trong các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; có bản mô tả công việc và khung năng lực cụ thể cho từng vị trí việc làm; xác định rõ cơ cấu viên chức theo tỷ lệ đối với từng đơn vị; nêu rõ trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức trực thuộc khi thực hiện việc phân cấp, phân quyền trong việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức đối với đơn vị (nếu có).

4. Số lượng người làm việc bố trí theo vị trí việc làm phải đảm bảo theo đúng lộ trình thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

5. Tổ chức thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

Phần III

THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC, VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC, CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN MINH

1. Vị trí, chức năng

1.1 Trường Mầm non

Trường mầm non là cơ sở giáo dục mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Chức năng nuôi dưỡng, đảm bảo dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ, bao gồm bữa ăn, giấc ngủ và vệ sinh cá nhân. Tạo môi trường an toàn, lành mạnh để trẻ phát triển thể chất và tinh thần. Thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, nhận thức, ngôn ngữ và thẩm mỹ. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Trường Mầm non và các quy định pháp luật có liên quan. Chịu sự quản lý, hướng dẫn về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Văn hóa - Xã hội xã

1.2 Trường Tiểu học

Trường Tiểu học là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Trường tiểu học và các quy định pháp luật có liên quan. Chịu sự quản lý, hướng dẫn về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Văn hóa - Xã hội xã

1.3 Trường Trung học cơ sở

Trường Trung học cơ sở là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định pháp luật có liên quan. Chịu sự quản lý, hướng dẫn về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Văn hóa - Xã hội xã.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn:

2.1 Trường Mầm non

- Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường. Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 25 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục. Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non

khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền. Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2.2 Trường Tiểu học

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học. Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật. Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục.

- Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương. Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương. Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2.3 Trường Trung học cơ sở

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi

về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội. Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ chế hoạt động:

3.1 Trường Mầm non

Trường mầm non tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục: Mọi hoạt động phải tuân thủ luật pháp, Điều lệ trường Mầm non, quy chế tổ chức và hoạt động của trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

3.2 Trường Tiểu học

Trường Tiểu học tổ chức hoạt động giáo dục: Mọi hoạt động phải tuân thủ luật pháp, Điều lệ trường Tiểu học, quy chế tổ chức và hoạt động của trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

3.3 Trường Trung học cơ sở

Trường Trung học cơ sở tổ chức hoạt động giáo dục: Mọi hoạt động phải tuân thủ luật pháp, Điều lệ trường Trung học cơ sở, quy chế tổ chức và hoạt động của trường do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

4. Cơ cấu tổ chức:

4.1 Trường Mầm non

Cơ cấu tổ chức của nhà trường gồm: Hội đồng trường, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng tư vấn; các Tổ chuyên môn, Tổ văn phòng; các Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo.

4.2 Trường Tiểu học

Cơ cấu tổ chức trường tiểu học gồm: Hội đồng trường; Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng tư vấn; các Tổ chuyên môn; Tổ văn phòng; Lớp học sinh.

4.3 Trường Trung học cơ sở

Cơ cấu tổ chức trường trung học gồm: Hội đồng trường; Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng tư vấn; các Tổ chuyên môn; Tổ văn phòng; Lớp học; Tổ phục vụ các hoạt động giáo dục đặc thù của trường chuyên biệt.

II. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG, TRÌNH ĐỘ VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN MINH

1. Chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao năm 2026

- Viên chức: **360** biên chế theo Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 10/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương tỉnh, biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh An Giang năm 2026.

- Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân xã An Minh đã giao số lượng viên chức cho các trường trực thuộc, trong đó số lượng biên chế trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập (12 trường học) thuộc Ủy ban nhân dân xã An Minh, cụ thể như sau:

- Viên chức: **360** biên chế.

Chia ra:

- (1). Trường Mầm non An Minh: 25 biên chế;
- (2). Trường Mầm non Đông Hưng: 20 biên chế;
- (3). Trường Mầm non Đông Hưng B: 26 biên chế;
- (4). Trường Tiểu học An Minh 1: 32 biên chế;
- (5). Trường Tiểu học An Minh 2: 24 biên chế;
- (6). Trường Tiểu học Đông Hưng 1: 29 biên chế;
- (7). Trường Tiểu học Đông Hưng 2: 25 biên chế;
- (8). Trường Tiểu học Đông Hưng B: 38 biên chế;
- (9). Trường Tiểu học Danh Côi: 19 biên chế;
- (10). Trường Trung học cơ sở An Minh: 45 biên chế;
- (11). Trường Trung học cơ sở Đông Hưng: 40 biên chế;
- (12). Trường Trung học cơ sở Đông Hưng B: 37 biên chế;

- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 0 người.

2. Số lượng, trình độ viên chức, người lao động thực tế sử dụng:

- Viên chức: **318** người.

- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: **12** người.

Trong số 318 viên chức hiện có:

- Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo:

+ Tiến sỹ: Số lượng: 0 người;	Tỷ lệ: 0%
+ Thạc sỹ: Số lượng: 02 người;	Tỷ lệ: 0,63%
+ Cử nhân/Kỹ sư: Số lượng: 295 người;	Tỷ lệ: 92,77 %
+ Cao đẳng: Số lượng: 08 người;	Tỷ lệ: 2,52%
+ Trung cấp: Số lượng: 13 người;	Tỷ lệ: 4,09 %
+ Sơ cấp: Số lượng: 0 người;	Tỷ lệ: 0%

- Về trình độ lý luận chính trị:

+ Cao cấp, cử nhân: Số lượng: 0 người;	Tỷ lệ: 0%
+ Trung cấp: Số lượng: 48 người;	Tỷ lệ: 15,09 %
+ Sơ cấp: Số lượng: 216 người;	Tỷ lệ: 67,93 %
+ Chưa qua đào tạo: Số lượng: 54 người;	Tỷ lệ: 16,98 %

- Các tiêu chí khác:

- Ngoại ngữ:

- + Trình độ cử nhân trở lên: 19 người,
- + Chứng chỉ ngoại ngữ: 260 người ,
- + Chứng chỉ tiếng dân tộc: 0 người.

- Tin học:

- + Trình độ từ trung cấp trở lên: 13 người,
- + Chứng chỉ tin học: 255 người.

- Giới tính:

+ Nữ giới: 161/318 người;	Tỷ lệ 50,63%;
+ Nam giới: 157/318 người;	Tỷ lệ 49,37%.

- Tuổi đời:

+ Từ 30 tuổi trở xuống: Số lượng: 17 người;	Tỷ lệ: 5,35%
+ Từ 31 đến 40 tuổi: Số lượng: 103 người;	Tỷ lệ: 32,39%
+ Từ 41 đến 50 tuổi: Số lượng: 152 người;	Tỷ lệ: 47,80%
+ Từ 51 đến 60 tuổi: Số lượng: 46 người;	Tỷ lệ: 14,47%
+ Trên 60 tuổi: Số lượng: 0 người;	Tỷ lệ: 0%

III. THỰC TRẠNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Thực trạng vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã An Minh, cụ thể như sau:

- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý:
 - + Khối trường mầm non: 02 vị trí;
 - + Khối trường tiểu học: 02 vị trí;
 - + Khối trường THCS: 02 vị trí.
- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành:
 - + Khối trường mầm non: 01-02 vị trí;
 - + Khối trường tiểu học: 02 - 03 vị trí;
 - + Khối trường trung học cơ sở: 01 - 04 vị trí.
- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung:
 - + Khối trường mầm non: 01- 02 vị trí;
 - + Khối trường tiểu học: 01 - 03 vị trí;
 - + Khối trường trung học cơ sở: 01 - 03 vị trí.
- Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ:
 - + Khối trường mầm non: 01 vị trí;
 - + Khối trường tiểu học: 01 vị trí;
 - + Khối trường trung học cơ sở: 01 vị trí.

Bảng 1. Chi tiết vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập, như sau:

TÊN ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	Số lượng theo vị trí việc làm				
	Tổng cộng	Vị trí việc làm lãnh đạo quản lý	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ
KHỐI TRƯỜNG MẦM NON	19	6	5	5	3
Trường Mầm non An Minh	6	2	2	1	1
Trường Mầm Non Đông Hưng	6	2	1	2	1
Trường Mầm Non Đông Hưng B	7	2	2	2	1
KHỐI TRƯỜNG TIỂU HỌC	42	12	14	10	6
Trường Tiểu học An Minh 1	7	2	2	2	1

Trường Tiểu học An Minh 2	7	2	2	2	1
Trường Tiểu học Đông Hưng 1	7	2	2	2	1
Trường Tiểu học Đông Hưng 2	5	2	2	0	1
Trường Tiểu học Đông Hưng B	9	2	3	3	1
Trường Tiểu học Danh Côi	7	2	3	1	1
KHỐI TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ	22	6	7	6	3
Trường THCS An Minh	8	2	2	3	1
Trường THCS Đông Hưng	9	2	4	2	1
Trường THCS Đông Hưng B	5	2	1	1	1
TỔNG	83	24	26	21	12

2. Số lượng người làm việc theo vị trí việc làm

Tổng số lượng người làm việc được giao năm 2026 theo vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc là **360** người, trong đó: 360 viên chức và 0 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP.

Tổng số lượng người làm việc hiện có theo vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc là **330** người, trong đó: **318** viên chức và **12** hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: **25** người;
- + Khối trường mầm non: **07** biên chế;
- + Khối trường tiểu học: **12** biên chế;
- + Khối trường trung học cơ sở: **06** biên chế.
- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: **271** người;
- + Khối trường mầm non: **38** biên chế;
- + Khối trường tiểu học: **141** biên chế;
- + Khối trường trung học cơ sở: **92** biên chế.
- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: **23** người;
- + Khối trường mầm non: **05** biên chế;
- + Khối trường tiểu học: **11** biên chế;
- + Khối trường trung học cơ sở: **06** biên chế.

- Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: **12** người.
- + Khối trường mầm non: **03** biên chế;
- + Khối trường tiểu học: **06** biên chế;
- + Khối trường trung học cơ sở: **03** biên chế.

Bảng 2. Chi tiết số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập, như sau:

ST T	Tên ĐVSNC	Số lượng người làm việc được giao /HĐLĐ năm 2026			Số lượng người làm việc hiện có mặt/HĐLĐ năm 2026		
		Số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN	Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	Số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN	Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP
I	KHỐI TRƯỜNG MẦM NON	71			50		3
1	Trường Mầm Non An Minh	25			23		1
2	Trường Mầm Non Đông Hưng	20			14		1
3	Trường Mầm Non Đông Hưng B	26			13		1
II	KHỐI TRƯỜNG TIỂU HỌC	167			164		6
4	Trường Tiểu học An Minh 1	32			32		1
5	Trường Tiểu học An Minh 2	24			24		1
6	Trường Tiểu học Đông Hưng 1	29			29		1
7	Trường Tiểu học Đông Hưng 2	25			24		1
8	Trường Tiểu học Đông Hưng B	38			37		1
9	Trường Tiểu học Danh Côi	19			18		1
III	KHỐI TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ	122			104		3
10	Trường Trung học cơ sở An Minh	45			39		1
11	Trường Trung học cơ sở Đông Hưng	40			34		1
12	Trường Trung học cơ sở Đông Hưng B	37			31		1
TỔNG CỘNG		360			318		12

3. Thực trạng cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập xã An Minh (không bao gồm viên chức đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý), cụ thể như sau:

3.1. Khối trường Mầm non (43 người), trong đó:

- Hạng I (ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương): Số lượng: 0 người; Tỷ lệ: 0%;
- Hạng II (ngạch chuyên viên chính và tương đương): Số lượng: 02 người; Tỷ lệ: 4,65%;
- Hạng III (ngạch chuyên viên và tương đương): Số lượng: 37 người; Tỷ lệ: 86,05%;
- Hạng IV (ngạch cán sự): Số lượng: 04 người; Tỷ lệ: 9,30%;
- Hạng V (ngạch nhân viên): Số lượng: 0 người; Tỷ lệ: 0%.

3.2. Khối trường Tiểu học (152 người), trong đó:

- Hạng I (ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương): Số lượng: 0 người; Tỷ lệ: 0%;
- Hạng II (ngạch chuyên viên chính và tương đương): Số lượng: 37 người; Tỷ lệ: 24,34%;
- Hạng III (ngạch chuyên viên và tương đương): Số lượng: 104 người; Tỷ lệ: 68,42 %;
- Hạng IV (ngạch cán sự): Số lượng: 11 người; Tỷ lệ: 7,24%.

3.3. Khối trường Trung học cơ sở (98 người), trong đó:

- Hạng I (ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương): Số lượng: 01 người; Tỷ lệ: 1,02%;
- Hạng II (ngạch chuyên viên chính và tương đương): Số lượng: 62 người; Tỷ lệ: 63,27 %;
- Hạng III (ngạch chuyên viên và tương đương): Số lượng: 30 người; Tỷ lệ: 30,61%;
- Hạng IV (ngạch cán sự): Số lượng: 5 người; Tỷ lệ: 5,10%.

Bảng 3. Chi tiết cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của từng đơn vị (không bao gồm viên chức đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý), như sau:

TT	Tên ĐVSNCL	Số lượng người làm việc tương ứng với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp						
		Tổng số có mặt	Chia ra					Khác
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng V	
I	KHỐI MẦM NON	43		2	37	4		

TT	Tên ĐVSNCL	Số lượng người làm việc tương ứng với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp						
		Tổng số có mặt	Chia ra					
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng V	Khác
1	Trường Mầm non An Minh	20		2	17	1		
2	Trường Mầm Non Đông Hưng	12			11	1		
3	Trường Mầm Non Đông Hưng B	11			9	2		
II	KHỐI TIỂU HỌC	152		37	104	11		
4	Trường Tiểu học An Minh 1	30		3	25	2		
5	Trường Tiểu học An Minh 2	22		4	17	1		
6	Trường Tiểu học Đông Hưng 1	27		10	15	2		
7	Trường Tiểu học Đông Hưng 2	22		5	17			
8	Trường Tiểu học Đông Hưng B	35		11	20	4		
9	Trường Tiểu học Danh Côi	16		4	10	2		
	KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ	98	1	62	30	5		
10	Trường THCS An Minh	37		26	9	2		

TT	Tên ĐVSNCL	Số lượng người làm việc tương ứng với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp						
		Tổng số có mặt	Chia ra					
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng V	Khác
11	Trường THCS Đông Hưng	32	1	18	11	2		
12	Trường THCS Đông Hưng B	29		18	10	1		
TỔNG CỘNG		293	1	101	171	20		

Phần IV

THỐNG KÊ VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT, MỨC ĐỘ PHỨC TẠP CỦA TỪNG CÔNG VIỆC

Trên cơ sở thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã An Minh, phân nhóm công việc như sau:

I. PHÂN LOẠI THEO KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

1. Vị trí việc làm do một người đảm nhận:

1.1. Đối với các trường Mầm non

- Hiệu trưởng.
- Kế toán viên.
- Văn thư viên.
- Y tế trường học.

1.2. Đối với các trường Tiểu học

- Hiệu trưởng.
- Chuyên viên về Quản trị công sở.
- Thư viện viên hạng III.
- Kế toán viên.
- Văn thư viên.
- Y tế trường học.

1.3. Đối với trường Trung học cơ sở

- Hiệu trưởng;

- Thiết bị, thí nghiệm;
- Giáo vụ;
- Tư vấn học sinh;
- Chuyên viên về quản trị công sở;
- Thư viện viên hạng III;
- Kế toán viên;
- Văn thư viên;
- Y tế trường học.

2. Vị trí việc làm do nhiều người đảm nhận:

2.1. Đối với các trường Mầm non

- Phó Hiệu trưởng;
- Giáo viên mầm non hạng I;
- Giáo viên mầm non hạng II;
- Giáo viên mầm non hạng III;
- Nhân viên bảo vệ;
- Nhân viên phục vụ;
- Nhân viên nấu ăn.

2.2. Đối với các trường Tiểu học

- Phó Hiệu trưởng;
- Giáo viên tiểu học hạng I;
- Giáo viên tiểu học hạng II;
- Giáo viên tiểu học hạng III;
- Nhân viên bảo vệ;
- Nhân viên phục vụ.

2.3. Đối với các trường Trung cơ sở

- Phó Hiệu trưởng;
- Giáo viên trung học cơ sở hạng I;
- Giáo viên trung học cơ sở hạng II;
- Giáo viên trung học cơ sở hạng III;
- Nhân viên bảo vệ;
- Nhân viên phục vụ.

3. Vị trí việc làm kiêm nhiệm:

3.1. Đối với các trường Mầm non

- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật;
- Chuyên viên thủ quỹ;
- Y tế trường học;

- Văn thư viên.

3.2. Đối với các trường Tiểu học

- Giáo vụ;
- Tư vấn học sinh;
- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật;
- Chuyên viên thủ quỹ;
- Y tế trường học.

3.3. Đối với trường Trung học cơ sở

- Thiết bị, thí nghiệm;
- Giáo vụ;
- Tư vấn học sinh;
- Chuyên viên thủ quỹ;
- Y tế trường học.

II. PHÂN LOẠI THEO TÍNH CHẤT, NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý

1.1 Khối trường Mầm non

- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng.

1.2 Khối trường Tiểu học

- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng.

1.3 Khối trường Trung học cơ sở

- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng.

2. Nhóm công việc nghiệp vụ chuyên ngành

2.1 Khối trường Mầm non

- Giáo viên mầm non;
- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

2.2 Khối trường Tiểu học

- Giáo viên tiểu học;
- Giáo vụ;
- Tư vấn học sinh;
- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

2.3 Khối trường Trung học cơ sở

- Giáo viên trung học cơ sở;
- Thiết bị, thí nghiệm;
- Giáo vụ;

- Tư vấn học sinh;
- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

3. Nhóm công việc nghiệp vụ chuyên môn dùng chung

3.1 Khối trường Mầm non

- Nhóm công việc kế hoạch, tài chính;
- Nhóm công việc văn phòng;
- Nhóm công việc y tế.

3.2 Khối trường Tiểu học

- Nhóm công việc kế hoạch, tài chính;
- Nhóm công việc văn phòng;
- Nhóm công việc thư viện viên;
- Nhóm công việc văn thư viên;
- Nhóm công việc chuyên viên thủ quỹ;
- Nhóm công việc y tế.

3.3 Khối trường Trung học cơ sở

- Nhóm công việc kế hoạch, tài chính;
- Nhóm công việc văn phòng;
- Nhóm công việc y tế.

4. Nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ

4.1 Khối trường Mầm non

- Nhóm công việc bảo vệ;
- Nhóm công việc phục vụ;
- Nhóm công việc nấu ăn.

4.2 Khối trường Tiểu học

- Nhóm công việc bảo vệ;
- Nhóm công việc phục vụ.

4.3 Khối trường Trung học cơ sở

- Nhóm công việc bảo vệ;
- Nhóm công việc phục vụ.

Phần V

XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM; BẢN MÔ TẢ CÔNG VIỆC; KHUNG NĂNG LỰC; CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

I. QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC

1. Quan điểm

- Thực hiện nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo toàn diện, quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức,

viên chức trong hệ thống chính trị, việc cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Việc cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ viên chức theo vị trí việc làm phải tuân thủ các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và tình hình hoạt động cụ thể của đơn vị.

- Xây dựng vị trí việc làm phải đảm bảo tính khoa học, kế thừa, tôn trọng thực tế, ổn định, đổi mới và phát triển. Đồng thời, bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp với việc sử dụng, quản lý viên chức; bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ và phù hợp với thực tiễn. Thực hiện nghiêm việc tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức.

2. Nguyên tắc

- Tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật về vị trí việc làm, quản lý, sử dụng biên chế viên chức.

- Việc xác định danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức đối với từng vị trí việc làm phải căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động, phạm vi, đối tượng phục vụ của từng đơn vị.

- Xác định đúng, đủ, chính xác về danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức đối với từng đơn vị; các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, mức độ phức tạp khác nhau sẽ có tỷ lệ cơ cấu viên chức khác nhau; tỷ lệ % (phần trăm) viên chức giữ các ngạch/hạng phù hợp với vị trí việc làm và mức độ phức tạp của công việc theo vị trí việc làm.

- Số lượng người làm việc bố trí theo vị trí việc làm phải đảm bảo theo đúng lộ trình thực hiện tinh giản biên chế đến năm 2026

II. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý

1.1. Khối trường mầm non:

- Hiệu trưởng.
- Phó Hiệu trưởng.

1.2. Khối trường tiểu học:

- Hiệu trưởng.
- Phó Hiệu trưởng.

1.3. Khối trường trung học cơ sở:

- Hiệu trưởng.
- Phó Hiệu trưởng.

2. Vị trí việc làm chức danh nghiệp vụ chuyên ngành

2.1. Khối trường mầm non:

- Giáo viên mầm non hạng I.
- Giáo viên mầm non hạng II.
- Giáo viên mầm non hạng III.
- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

2.2. Khối trường tiểu học:

- Giáo viên tiểu học hạng I.
- Giáo viên tiểu học hạng II.
- Giáo viên tiểu học hạng III.
- Giáo vụ.
- Tư vấn học sinh.
- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

2.3. Khối trường trung học cơ sở:

- Giáo viên trung học cơ sở hạng I.
- Giáo viên trung học cơ sở hạng II.
- Giáo viên trung học cơ sở hạng III.
- Thiết bị, thí nghiệm.
- Giáo vụ.
- Tư vấn học sinh.
- Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

3. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp nghiệp vụ chuyên môn dùng chung

3.1. Khối trường mầm non:

- Kế toán viên.
- Văn thư viên.
- Chuyên viên thủ quỹ.
- Y tế trường học.

3.2. Khối trường tiểu học:

- Chuyên viên về quản trị công sở.
- Văn thư viên.
- Kế toán viên.
- Chuyên viên thủ quỹ.
- Thư viện viên hạng II.

- Y tế trường học.

3.3. Khối trường trung học cơ sở:

- Thư viện viên hạng III.
- Chuyên viên về quản trị công sở.
- Kế toán viên.
- Văn thư viên.
- Chuyên viên thủ quỹ.
- Y tế trường học.

4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ

4.1. Khối trường mầm non:

- Nhân viên bảo vệ;
- Nhân viên phục vụ;
- Nhân viên nấu ăn.

4.2. Khối trường tiểu học:

- Nhân viên bảo vệ;
- Nhân viên phục vụ.

4.3. Khối trường trung học cơ sở:

- Nhân viên bảo vệ;
- Nhân viên phục vụ.

III. BẢN MÔ TẢ CÔNG VIỆC; KHUNG NĂNG LỰC CỦA TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Bảng 4. Danh mục vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp công lập

TT	Đơn vị	Số lượng vị trí việc làm				Chi tiết khung danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm kèm theo đề án của các đơn vị sự nghiệp công lập
		Tổng số	Chia ra:			
			VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	
I	KHỐI TRƯỜNG MẦM NON					

TT	Đơn vị	Số lượng vị trí việc làm					Chi tiết khung danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm kèm theo đề án của các đơn vị sự nghiệp công lập
		Tổng số	Chia ra:				
			VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	
1	Trường Mầm Non An Minh	13 vị trí (có 3 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	4 vị trí (có 01 vị trí kiêm nhiệm)	4 vị trí (có 2 vị trí kiêm nhiệm)	3 vị trí	Đề án 01/ĐA-MN ngày 6/6/2026
2	Trường Mầm Non Đông Hưng	13 vị trí (có 3 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	4 vị trí (có 01 vị trí kiêm nhiệm)	4 vị trí (có 2 vị trí kiêm nhiệm)	3 vị trí	Đề án 01/ĐA-MN ngày 22/5/2026
3	Trường Mầm Non Đông Hưng B	13 vị trí (có 3 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	4 vị trí (có 01 vị trí kiêm nhiệm)	4 vị trí (có 2 vị trí kiêm nhiệm)	3 vị trí	Đề án 01/ĐA-MN ngày 15/5/2026
II	KHỐI TRƯỜNG TIỂU HỌC						
4	Trường Tiểu học An Minh 1	16 vị trí (có 5 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	6 vị trí (có 3 vị trí kiêm nhiệm)	6 vị trí (có 2 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	Đề án 01/ĐA-TH ngày 11/5/2026
5	Trường Tiểu học An Minh 2	16 vị trí (có 5 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	6 vị trí (có 3 vị trí kiêm nhiệm)	6 vị trí (có 2 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	Đề án 01/ĐA-TH ngày 29/5/2026
6	Trường Tiểu học Đông Hưng 1	16 vị trí (có 4 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	6 vị trí (có 3 vị trí kiêm nhiệm)	6 vị trí (có 1 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	Đề án 03/ĐA-TH ngày 25/5/2026
7	Trường Tiểu học Đông Hưng 2	16 vị trí (có 5 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	6 vị trí (có 3 vị trí kiêm nhiệm)	6 vị trí (có 2 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	Đề án 01/ĐA-TH ngày 24/4/2026
8	Trường Tiểu học Đông Hưng B	16 vị trí (có 5 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	6 vị trí (có 3 vị trí kiêm nhiệm)	6 vị trí (có 2 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	Đề án 01/ĐA-TH ngày 28/5/2026

TT	Đơn vị	Số lượng vị trí việc làm					Chi tiết khung danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm kèm theo đề án của các đơn vị sự nghiệp công lập
		Tổng số	Chia ra:				
			VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	
9	Trường Tiểu học Danh Côi	16 vị trí (có 5 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	6 vị trí (có 3 vị trí kiêm nhiệm)	6 vị trí (có 2 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	Đề án 01/ĐA-TH ngày 15/5/2026
III	KHỐI TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ						
10	Trường THCS An Minh	17 vị trí (có 6 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	7 vị trí (có 4 vị trí kiêm nhiệm)	6 vị trí (có 2 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	Đề án 01/ĐA-THCS ngày 29/5/2026
11	Trường THCS Đông Hưng	17 vị trí (có 6 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	7 vị trí (có 4 vị trí kiêm nhiệm)	6 vị trí (có 2 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	Đề án 06/ĐA-THCS ngày 22/5/2026
12	Trường THCS Đông Hưng B	17 vị trí (có 6 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	7 vị trí (có 4 vị trí kiêm nhiệm)	6 vị trí (có 2 vị trí kiêm nhiệm)	2 vị trí	Đề án 01/ĐA-THCS ngày 25/5/2026

Phần VI

TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

I. TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Tổng số lượng vị trí việc làm đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND xã An Minh như sau:

1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý

- Khối trường mầm non: 02 vị trí;
- Khối trường tiểu học: 02 vị trí;
- Khối trường trung học cơ sở: 02 vị trí.

2. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành

- Khối trường mầm non, mẫu giáo: 04 vị trí;
- Khối trường tiểu học: 06 vị trí;
- Khối trường trung học cơ sở: 07 vị trí.

3. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung

- Khối trường Mầm non: 04 vị trí.
- Khối trường Tiểu học: 06 vị trí.
- Khối trường Trung học cơ sở: 06 vị trí.

4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ

- Khối trường Mầm non: 03 vị trí.
- Khối trường Tiểu học: 02 vị trí.
- Khối trường Trung học cơ sở: 02 vị trí.

II. II. TỔNG SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Căn cứ số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao hàng năm và danh mục vị trí việc làm theo Đề án này. Hiệu trưởng các trường học công lập (12 trường) có trách nhiệm bố trí số lượng người làm việc vào vị trí việc làm phù hợp.

1. Tỷ lệ cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và hợp đồng lao động theo nghị định số 111/2022/NĐ-CP theo vị trí việc làm

Bảng 5. Chi tiết cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

TT	Tên ĐVSNCL	Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp (Không bao gồm vị trí lãnh đạo, quản lý)		
		Hạng I và tương đương	Hạng II và tương đương	Hạng III và tương đương trở xuống
I	KHỐI TRƯỜNG MẦM NON			
1	Trường Mầm Non An Minh	10%	50%	40%
2	Trường Mầm Non Đông Hưng	10%	50%	40%
3	Trường Mầm Non Đông Hưng B	10%	50%	40%
II	KHỐI TRƯỜNG TIỂU HỌC			
4	Trường Tiểu học An Minh 1	10%	50%	40%
5	Trường Tiểu học An Minh 2	0%	60%	40%
6	Trường Tiểu học Đông Hưng 1	5%	55%	40%

7	Trường Tiểu học Đông Hưng 2	5%	55%	40%
8	Trường Tiểu học Đông Hưng B	0%	60%	40%
9	Trường Tiểu học Danh Côi	10%	50%	40%
III	KHỐI TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ			
10	Trường THCS An Minh	10%	50%	40%
11	Trường THCS Đông Hưng	10%	50%	40%
12	Trường THCS Đông Hưng B	0%	62%	38%

2. Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp và hợp đồng lao động theo nghị định số 111/2022/NĐ-CP theo vị trí việc làm

Bảng 6: Chi tiết cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và hợp đồng lao động theo nghị định số 111/2022/NĐ-CP theo vị trí việc làm

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp
I	VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ	
1	Lãnh đạo Trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở	
LĐQL.01.01	Hiệu trưởng	Đáp ứng tiêu chuẩn lãnh đạo, quản lý theo quy định của cấp có thẩm quyền.
LĐQL.02.02	Phó Hiệu trưởng	Đáp ứng tiêu chuẩn lãnh đạo, quản lý theo quy định của cấp có thẩm quyền.
II	VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN NGHIỆP	
1	Khối trường mầm non	
NVCN.01.03	Giáo viên mầm non hạng I	Hạng I
NVCN.02.04	Giáo viên mầm non hạng II	Hạng II
NVCN.03.05	Giáo viên mầm non hạng III	Hạng III
NVCN.04.06	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Kiểm nhiệm
2	Khối trường tiểu học	
NVCN.01.03	Giáo viên tiểu học hạng I	Hạng I
NVCN.02.04	Giáo viên tiểu học hạng II	Hạng II
NVCN.03.05	Giáo viên tiểu học hạng III	Hạng III

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp
NVCN.04.06	Giáo vụ	<i>Kiểm nhiệm</i>
NVCN.05.07	Tư vấn học sinh	<i>Kiểm nhiệm</i>
NVCN.06.08	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	<i>Kiểm nhiệm</i>
3	Khối trường trung học cơ sở	
NVCN.01.03	Giáo viên Trung học cơ sở hạng I	Hạng I
NVCN.02.04	Giáo viên Trung học cơ sở hạng II	Hạng II
NVCN.03.05	Giáo viên Trung học cơ sở hạng III	Hạng III
NVCN.04.06	Thiết bị, thí nghiệm	<i>Kiểm nhiệm</i>
NVCN.05.07	Giáo vụ	<i>Kiểm nhiệm</i>
NVCN.06.08	Tư vấn học sinh	<i>Kiểm nhiệm</i>
NVCN.07.09	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	<i>Kiểm nhiệm</i>
III	VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (Thực hiện theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)	
1	Khối trường mầm non	
CMDC.01.07	Kế toán viên/ Kế toán viên trung cấp	Hạng III/Hạng IV
CMDC.02.08	Văn thư viên	Hạng III (<i>hoặc kiểm nhiệm</i>)
CMDC.03.09	Chuyên viên Thủ quỹ	<i>Kiểm nhiệm</i>
CMDC.04.10	Y tế trường học	Hạng IV (<i>hoặc kiểm nhiệm</i>)
2	Khối trường tiểu học	
CMDC.01.09	Thư viện viên hạng III	Hạng III
CMDC.02.10	Chuyên viên về quản trị công sở	Hạng III
CMDC.03.11	Kế toán viên/ Kế toán viên trung cấp	Hạng III/Hạng IV
CMDC.04.12	Văn thư viên	Hạng III

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp
CMDC.05.13	Chuyên viên thủ quỹ	<i>Kiểm nhiệm</i>
CMDC.06.14	Y tế trường học	Hạng IV (<i>hoặc kiêm nhiệm</i>)
3	Khối Trường Trung học cơ sở	
CMDC.01.13	Thư viện viên hạng III	Hạng III
CMDC.02.14	Chuyên viên về quản trị công sở	Hạng III
CMDC.03.15	Kế toán viên/ Kế toán viên trung cấp	Hạng III/ Hạng IV
CMDC.04.16	Văn thư viên	Hạng III
CMDC.05.17	Chuyên viên thủ quỹ	<i>Kiểm nhiệm</i>
CMDC.06.18	Y tế trường học	Hạng IV (<i>hoặc kiêm nhiệm</i>)
IV	VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (Thực hiện theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)	
1	Khối trường mầm non	
HTPV.01.11	Nhân viên bảo vệ	Hợp đồng lao động
HTPV.02.12	Nhân viên nấu ăn	Hợp đồng lao động
HTPV.03.13	Nhân viên phục vụ	Hợp đồng lao động
2	Khối trường tiểu học	
HTPV.01.15	Nhân viên bảo vệ	Hợp đồng lao động
HTPV.02.16	Nhân viên phục vụ	Hợp đồng lao động
3	Khối trường trung học cơ sở	
HTPV.01.19	Nhân viên bảo vệ	Hợp đồng lao động

Mã VTVL	Tên vị trí việc làm	Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp
HTPV.02.20	Nhân viên phục vụ	Hợp đồng lao động

Phần VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Thủ trưởng các đơn vị trường học trực thuộc có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức phổ biến, quán triệt triển khai thực hiện trong toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh An Giang;
- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang;
- CT và các PCT UBND xã;
- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- Các đơn vị trường học thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, lvtruong.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Trung Lập